

Bản án số: 57/2026/HS-ST  
Ngày: 13 - 4 - 2026

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Lâm

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Trần Đức Hiếu

- Ông Mai Văn Du

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Dự - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng tham gia phiên tòa:**  
Ông Huỳnh Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2026/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2026/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2026 đối với các bị cáo:

**1. TRẦN NGỌC TUẤN .** Tên gọi khác (T1 xe tăng, T1 satan)- Sinh ngày: 15/8/1978, tại TP ..

Nơi thường trú: K đường T, phường H, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở hiện tại: K đường T, phường H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; thẻ CCCD: 048078004657; con ông: Trần Ngọc L (C) và bà Hứa Thị N (C); có vợ Phạm Thị T có 04 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền sự: không; tiền án: ngày 30/8/1999 bị Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”; ngày 19/01/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang (cũ), thành phố Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”; ngày 08/6/2017 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê (cũ), thành phố Đà Nẵng xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 11/12/2020 bị Tòa án nhân dân quận Hải Châu (cũ), thành phố Đà Nẵng xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” và “Có tính chất chuyên nghiệp”); nhân thân: ngày 09/4/1997 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 02 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”; ngày 05/11/2015 bị Công an quận H (cũ), thành phố Đà Nẵng ra quyết định xử phạt

vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo bị bắt ngày 02/8/2025- Có mặt tại phiên tòa.

**2. TRẦN ĐỨC K.** Sinh ngày: 17/3/1991, tại TP ..

Nguyên quán: Xã S, thành phố Đà Nẵng. Nơi thường trú: tổ E phường H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; thẻ CCCD: 049091016204; con ông Trần Đức L1 và bà Trần Thị M; có vợ Phan Thị Xuân N1, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt ngày 09/01/2026- Có mặt tại phiên tòa.

**- Người bào chữa cho bị cáo Trần Đức K:** Ông Lê Bảo Ân- Luật sư của Công ty L3, thuộc Đoàn luật sư T2- Có mặt;

**- Bị hại:**

1. Ông Nguyễn Trung H. Sinh năm: 1992

Nơi thường trú: Tổ A phường H, TP .;

Nơi ở hiện tại: Số D H, phường H, TP .- Vắng mặt.

2. Bà Hồ Thị Thu H1. Sinh năm: 1998

Nơi thường trú: Khu phố Đ, phường Đ, tỉnh Quảng Trị;

Nơi ở hiện tại: Số A N, phường C, TP .- Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Ngọc T1 là đối tượng không có nghề nghiệp và có nhiều tiền án về các hành vi chiếm đoạt tài sản. Sau khi ra tù vào ngày 02/01/2025, T1 sống không có nghề nghiệp và nơi cư trú ổn định, đến tháng 7/2025 thì tiếp tục phạm tội để làm nguồn sống chính cho bản thân, cụ thể:

Lần 1: Vào sáng ngày 26/7/2025, Trần Ngọc T1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 43AC-125.27 đi dạo quanh các tuyến đường để tìm người nào sơ hở thì trộm cắp tài sản. Đến khoảng 10 giờ 50 phút cùng ngày, khi đi ngang qua cửa hàng nệm “Việt Chất” tại địa chỉ: số C, đường N, phường C, thành phố Đà Nẵng, T1 nhìn thấy bên trong không có người nên dừng xe trên vỉa hè, đi bộ vào trong. Tại quầy bán hàng, T1 lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 10 Pro, 128 GB, màu xanh và 01 cái ví da màu đen có chữ PRADA Milano Made in Italia, bên trong có số tiền 2.300.000 đồng của ông Nguyễn Trung H, là nhân viên của cửa hàng, cất giấu vào người rồi ra xe tẩu thoát.

Trên đường đi, T1 làm rơi chiếc điện thoại của ông H xuống đường dẫn đến hư hỏng nên T1 đem chiếc điện thoại cùng ví da vứt bỏ tại thùng rác trước nhà số A -A đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng. Đối với số tiền 2.300.000 đồng, T1 đã tiêu xài hết nên không thu hồi được.

Tại kết luận định giá tài sản số 169/KL-HĐĐGTS ngày 17/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Đà Nẵng kết luận: Trị giá điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 10 Pro, 128 GB, màu xanh vào thời điểm bị chiếm đoạt là 750.000 đồng; trị giá 01 ví da màu đen, hiệu PRADA Milano Made in Italia vào thời điểm bị chiếm đoạt là 43.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà Trần Ngọc T1 chiếm đoạt của anh Nguyễn Trung H là 3.093.000 đồng.

Lần 2: Khoảng 11 giờ ngày 31/7/2025, Trần Ngọc T1 tiếp tục điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 43AC-125.27 dạo trên các tuyến đường, tìm người nào sơ hở thì chiếm đoạt tài sản. Đến khoảng 11 giờ 20 phút cùng ngày, trong lúc T1 đang đi trên đường N thì thấy bà Hồ Thị Thu H1 đang dựng xe mô tô hiệu LEAD trên vỉa hè trước cửa hàng nội thất “SBS Funiter”, địa chỉ: số E đường N, phường C, thành phố Đà Nẵng. Bà H1 mở yên xe dựng đứng, đặt túi xách cá nhân màu trắng hiệu Vachino vào trong cốp, rồi lấy áo khoác trong cốp ra mặc vào người. Ngay lúc này, T1 điều khiển xe mô tô đi trên vỉa hè, tiến đến áp sát vị trí bà H1 đang đứng, nhanh chóng dùng tay phải giật lấy túi xách đang đặt trong cốp xe rồi lập tức tăng ga bỏ chạy. Bà H1 thấy vậy thì lập tức tri hô, chạy bộ đuổi theo nhưng T1 đã kịp tăng ga tẩu thoát về hướng cầu N.

Sau đó, T1 điều khiển xe mang theo túi xách quay về phòng trọ tại K đường T, phường H, thành phố Đà Nẵng để kiểm tra thì thấy bên trong túi xách có số tiền 5.900.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone 15 màu hồng và một số giấy tờ tùy thân của bà H1.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, T1 mang chiếc điện thoại Iphone 15 của bà H1 đến cửa hàng mua bán điện thoại di động của Trần Đức K tại số A đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng để bán lại. Sau khi kiểm tra, K thấy điện thoại còn mới, tình trạng máy chưa qua sửa chữa nhưng bị khoá mật khẩu và bị chủ sở hữu khóa Icloud. K biết rằng đây là tài sản do T1 phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mua với giá 1.200.000 đồng. Lúc này, do điện thoại của T1 cũng đang bị hư màn hình nên T1 thương lượng lại với K, đề nghị đổi chiếc điện thoại Iphone 15 trên cùng với chiếc điện thoại Realme màu đen mà T1 đang sử dụng, để đổi lấy điện thoại hiệu OPPO A54 màu đen mà K đang bày bán với giá 1.600.000 đồng thì K đồng ý.

Sau đó, T1 quay về phòng trọ thì bị Công an phường C triệu tập đến làm việc. Thu giữ tang vật gồm: 01 túi xách màu trắng có chữ VACHINO, số tiền 5.900.000 đồng, 01 xe mô tô hiệu Honda Wave màu xám trắng biển kiểm soát 43AC-125.27 kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 mũ bảo hiểm màu nâu, 01 quần jean màu xám, 01 áo sơ mi caro dài tay, 01 điện thoại di động hiệu OPPO A54 màu đen.

Tiến hành làm việc với Trần Đức K thu giữ thêm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 màu hồng và 01 điện thoại di động Realme màu đen.

Tại kết luận định giá tài sản số 169/KL-HĐĐGTS ngày 17/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đà Nẵng kết luận: Trị giá 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15, 128 GB màu hồng vào thời điểm bị chiếm đoạt là 7.000.000 đồng; trị giá 01 túi xách nữ màu trắng kem hiệu Vachino vào thời điểm bị chiếm đoạt là 43.000 đồng.

Như vậy, tổng trị giá tài sản mà Trần Ngọc T1 chiếm đoạt của bà Hồ Thị Thu H1 là 12.943.000 đồng.

Với nội dung trên tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKSKV3 ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Trần Ngọc T1 về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm b, d, i khoản 2 Điều 171 và tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Trần Đức K về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

1. Áp dụng điểm điểm b, d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T1 mức án từ 04 năm đến 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”;

1.1. Áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T1 mức án từ 02 năm đến 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với hai tội danh bị cáo phải chịu.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Đức K mức án từ 04 tháng đến 06 tháng tù.

**\* Xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự giải quyết như sau:

Đối với số tiền 5.900.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 128 GB màu hồng, 01 túi xách màu trắng có chữ VACHINO cùng một số giấy tờ cá nhân của bà Hồ Thị Thu H1. Sau khi tạm giữ để điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả lại tài sản cho bà H1. Bà H1 đã nhận lại các tài sản nêu trên và không có yêu cầu gì thêm.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 43AC-125.27, màu trắng kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe của Trần Ngọc T1, được bị cáo dùng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung công quỹ.

Đối với 01 mũ bảo hiểm màu nâu, 01 quần jean màu xám, 01 áo sơ mi caro tay dài, là trang phục T1 sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội. Xét thấy, không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO A54 màu đen, 01 điện thoại di động Realme màu xám của K và T1 dùng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung công quỹ.

Đối với 02 đĩa DVD ghi lại dữ liệu hình ảnh camera từ nhà người dân ghi lại diễn biến hành vi phạm tội của Trần Ngọc T1, đề nghị lưu trữ kèm theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 đĩa DVD ghi lại 01 buổi hỏi cung bị can Trần Ngọc T1, 01 buổi đối chất giữa T1 và K, 01 buổi ghi lời khai của K, 01 buổi hỏi cung bị can của K, được lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

**\* Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Trần Ngọc T1 bồi thường cho ông Nguyễn Trung H số tiền 3.000.000 đồng.

**\* Án phí sơ thẩm:** Bị cáo Trần Ngọc T1 và Trần Đức K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng; bị cáo Trần Ngọc T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa vị Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Đức K thống nhất về tội danh đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo mức hình phạt bằng thời gian tạm giam.

Những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Ngọc T1, Trần Đức K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo, xét lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu điều tra thu thập đầy đủ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định như sau:

Trần Ngọc T1, là đối tượng đã có 04 tiền án về hành vi chiếm đoạt tài sản, sau khi chấp hành xong án phạt tù, T1 lại tiếp tục 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác để dùng làm nguồn sống chính, cụ thể:

Lần 1: Vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 26/7/2025, tại cửa hàng N2, địa chỉ: Số C đường N, phường C, thành phố Đà Nẵng, Trần Ngọc T1 đã lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi Note 10 Pro, 128 GB trị giá 750.000đồng, 01 ví da màu đen, hiệu PRADA Milano Made in Italia trị giá 43.000 đồng, số tiền 2.300.000đồng của ông Nguyễn Trung H.

Lần 2: Vào lúc 11 giờ 20 phút ngày 31/7/2025, tại trước nhà số E đường N, phường C, thành phố Đà Nẵng, Trần Ngọc T1 đã có hành vi dùng xe mô tô biển số 43AC-125.27 cướp giật 01 túi xách màu trắng kem hiệu Vachino 43.000đồng của bà Hồ Thị Thu H1, bên trong có số tiền 5.900.000đồng và 01 điện thoại hiệu Iphone 15, 128 GB màu hồng trị giá 7.000.000đồng.

Trần Đức K dù biết rõ điện thoại di động hiệu Iphone 15, 128 GB màu hồng của T1 chiếm đoạt của bà H1, là tài sản do phạm tội mà có, nhưng vẫn đồng ý tiêu thụ.

[3] Hành vi trên của bị cáo Trần Ngọc T1 đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” được quy định tại điểm b, d, i khoản 2 Điều 171 và tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và Trần Đức K đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự, như cáo trạng số 14/CT-VKSKV3 ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Ngọc T1, Trần Đức K thì thấy: Các bị cáo là thanh niên đã trưởng thành, lẽ ra các bị cáo phải lao động, tu dưỡng, rèn luyện bản thân để trở thành công dân có ích cho xã hội, nhưng các bị cáo lười lao động, coi thường pháp luật, chỉ muốn có tiền tiêu xài thỏa mãn mục đích cá nhân bằng đồng tiền lao động của người khác nên các bị cáo đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Hành vi của bị cáo Trần Ngọc T1 đã trực tiếp xâm hại quyền sở hữu của người khác về tài sản được pháp luật bảo vệ phạm vào khoản 2 Điều 171 và khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo T1 là nguy hiểm cho xã hội, không những gây thiệt hại về tài sản cho người khác mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Tài sản bị cáo T1 chiếm đoạt tổng trị giá là 16.036.000 đồng.

Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Trần Đức K mặc dù bị cáo biết rõ tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng do tham lam, tư lợi nên vẫn giúp sức để tiêu thụ tài sản, bị cáo đã trực tiếp xâm hại an toàn công cộng, trật tự công cộng, tạo điều kiện cho người khác đi vào con đường phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt đối với bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Xét hành vi phạm tội, vai trò và nhân thân của các bị cáo thì thấy:

Đối với Trần Ngọc T1 là bị cáo đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản, với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 12.943.000 đồng và trộm cắp tài sản, với tổng trị giá tài sản

chiếm đoạt là 3.093.000 đồng. Bản thân bị cáo đã có tiền án: ngày 30/8/1999 bị Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”; ngày 19/01/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang (cũ), thành phố Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”; ngày 08/6/2017 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê (cũ), thành phố Đà Nẵng xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 11/12/2020 bị Tòa án nhân dân quận Hải Châu (cũ), thành phố Đà Nẵng xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” và “Có tính chất chuyên nghiệp”) và nhân thân xấu: ngày 09/4/1997 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 02 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”; ngày 05/11/2015 bị Công an quận H (cũ), thành phố Đà Nẵng ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Mặc dù chưa được xóa án tích nhưng bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản, bị cáo phạm tội dùng thủ đoạn nguy hiểm, bản thân bị cáo T1 không có nghề nghiệp ổn định, mục đích cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản là để kiếm tiền sử dụng cho cá nhân hằng ngày, bị cáo lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính, bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, trong đó có các lần phạm tội đã bị kết án, chưa được xóa án tích, bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung được quy định tại điểm b, d, i khoản 2 Điều 171 và điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo T1 nghiêm minh, xét cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe các đối tượng khác có hành vi tương tự.

Song xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu. Bị cáo Tuấn phạm nhiều tội nên cần áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

Đối với hành vi của bị cáo Trần Đức K mặc dù bị cáo biết rõ tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng do tham lam, tư lợi nên bị cáo vẫn giúp sức tiêu thụ. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo K một mức án tương xứng với tính chất và hành vi mà bị cáo đã gây ra.

Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo được Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Quảng Nam (cũ) tặng giấy khen.

Tại phiên tòa vị Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Đức K thống nhất về tội danh đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo cáo mức hình phạt bằng thời gian tạm giam. Xét luận cứ của vị Luật sư về phần nhân thân của bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử xét cần áp dụng điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một mức án phù hợp.

[4] **Xét về trách nhiệm dân sự:** Ông Nguyễn Trung H yêu cầu bị cáo Trần Ngọc T1 bồi thường số tiền 3.000.000 đồng. Xét cần buộc các bị cáo T1 bồi thường cho ông H là phù hợp.

[5] **Xét về vật chứng:** Sau khi vụ án xảy ra bà Hồ Thị Thu H1 đã nhận lại tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 128 GB màu hồng, 01 túi xách màu trắng có chữ VACHINO, số tiền 5.900.000 đồng cùng một số giấy tờ cá nhân. Bà H1 không có yêu cầu gì thêm nên không đặt vấn đề giải quyết.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 43AC-125.27, màu trắng kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe của Trần Ngọc T1, được bị cáo dùng vào việc phạm tội. Xét thấy cần tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 mũ bảo hiểm màu nâu, 01 quần Jean màu xám, 01 áo sơ mi caro dài tay, là trang phục bị cáo T1 sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội. Xét cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo A54 màu đen; 01 điện thoại di động Realme màu xám của bị cáo Trần Đức K và Trần Ngọc T1 dùng vào việc phạm tội. Xét cần tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 đĩa DVD ghi lại dữ liệu hình ảnh camera từ nhà người dân ghi lại diễn biến hành vi phạm tội của Trần Ngọc T1; 01 đĩa DVD ghi lại 01 buổi hỏi cung bị cáo Trần Ngọc T1, 01 buổi đối chất giữa T1 và K, 01 buổi ghi lời khai của K, 01 buổi hỏi cung bị cáo K, hiện đang lưu theo hồ sơ vụ án nên không đề cập đến.

[6] Hội đồng xét xử xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng tại phiên tòa về căn cứ một số điều luật áp dụng cũng như đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là có cơ sở nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi lượng hình.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b, d, i khoản 2 Điều 171; điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự (Luật số 100/2015/QH13), được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 86/2025/QH15; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Ngọc T1.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự (Luật số 100/2015/QH13), được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 86/2025/QH15; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Đức K.

**Tuyên bố:** Bị cáo Trần Ngọc T1 phạm tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Trần Đức K phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

**Xử phạt:** Bị cáo Trần Ngọc T1 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” và 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tổng hợp hình phạt chung của cả 02 tội bị cáo Trần Ngọc T1 phải chấp hành là 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, ngày 02/8/2025.

**Xử phạt:** Bị cáo Trần Đức K 03 (ba) tháng 04 (bốn) ngày tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam tính từ ngày bị bắt, ngày 09/01/2026 đến ngày 13/4/2026.

Áp dụng khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên trả tự do cho bị cáo Trần Đức K ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

**Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự. Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Trần Ngọc T1 phải bồi thường cho ông Nguyễn Trung H số tiền 3.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

**Xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 xe mô tô biển kiểm soát 43AC-125.27; loại xe: hai bánh; nhãn hiệu: Honda; số loại: Wave; màu sơn: xám trắng; số máy: JA70E0696341; số khung: RLHJA3938RY728129; dung tích: 109.2cm<sup>3</sup> của Trần Ngọc T1; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 423 019123; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A54 màu đen (đã được niêm phong); 01 điện thoại di động Realme màu xám (đã được niêm phong) của bị cáo Trần Đức K và Trần Ngọc T1.

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm màu nâu; 01 quần Jean màu xám; 01 áo sơ mi dài tay.

Vật chứng trên hiện Phòng thi hành án dân sự khu vực 3- thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 19/3/2026.

Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Trần Ngọc T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 13/4/2026.

Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND khu vực 3;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Trại tạm giam số 1 Công an T3;
- Phân trại tạm giam C, TP .;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự thành phố Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Lâm**